|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ …****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí****Thời gian làm bài: 50 phút****¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Ngô Huy Tiến

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Lương Tài

**\* Giáo viên thẩm định:** Nguyễn Thị Tân

**Đơn vị công tác:**Trường THPT Hàn Thuyên

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

0396752282 TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, NĂM 2015 VÀ 2021

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2021** |
| Lào | 14 420,1 | 19 635,0 |
| Ma-lai-xi-a | 298 716,0 | 372 770,3 |
| Mi-an-ma | 59 795,3 | 72 862,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2021 với năm 2015?

**A.** Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Lào. **B.** Lào tăng chậm hơn Mi-an-ma.

**C.** Lào tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. **D.** Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa điểm nào sau đây có nhiệt độ trung bình tháng I cao nhất?

**A.** Lũng Cú. **B.** Hà Tiên. **C.** Hà Nội. **D.** Huế.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện nào có công suất lớn nhất trong số các nhà máy sau đây?

**A.** Thủ Đức. **B.** Cà Mau. **C.** Bà Rịa. **D.** Trà Nóc.

**Câu 44:** Nước mắm là sản phẩm của ngành công nghiệp

**A.** chế biến nông sản. **B.** Hóa chất, phân bón. **C.** Sản xuất giấy. **D.** luyện kim đen.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

0396752282 ****

0396752282 SỐ DÂN CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi số dân năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Việt Nam?

**A.** Việt Nam giảm và Thái Lan tăng. **B.** Thái Lan tăng gấp hai lần Việt Nam.

**C.** Thái Lan giảm và Việt Nam tăng. **D.** Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Tây Nguyên?

**A.** Cầu Treo. **B.** Bờ Y. **C.** Xa Mát. **D.** Lao Bảo.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay?

**A.** Cà Mau. **B.** Đồng Nai. **C.** Sóc Trăng. **D.** Bến Tre.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

**A.** Cửa Gianh. **B.** Cửa Hội. **C.** Cửa Lạch Trường. **D.** Cửa Nhật Lệ.

**Câu 49:** Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

**A.** tập trung ở miền núi. **B.** có đầu tư nước ngoài.

**C.** không có ở ven biển. **D.** đã có sự chuyển dịch.

**Câu 50:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

**A.** quy mô dân số. **B.** lao động lành nghề. **C.** diện tích lương thực. **D.** số lượng đô thị.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

**A.** A Vương. **B.** Vĩnh Sơn. **C.** Đa Nhim. **C.** Yaly.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?

**A.** Thuận An. **B.** Cửa Lò. **C.** Cửa Gianh. **D.** Vũng Áng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 đi qua địa điểm nào sau đây?

**A.** Đồng Hới. **B.** Đông Hà. **C.** Huế. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao trên 500 m?

**A.** Tân Trào. **B.** Cát Bà. **C.** Trà Cổ. **D.** Sa Pa.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có Apatit?

**A.** Lai Châu. **B.** Lào Cai. **C.** Cao Bằng. **D.** Hà Giang.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ôtô và điện tử?

**A.** Hà Nội. **B.** Hải Phòng. **C.** Đà Nẵng. **D.** Biên Hòa.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

**A.** Gia Nghĩa. **B.** Pleiku. **C.** Kon Tum. **D.** Đà Lạt.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có đường biên giới dài nhất với Lào?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Bình. **D.** Quảng Trị.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây có đỉnh cao nhất?

**A.** Braian. **B.** Lang Bian. **C.** Bi Doup. **D.** Chư Yang Sin.

**Câu 60:** Biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồng bằng là

**A.** làm ruộng bậc thang. **B.** kết hợp nông – lâm. **C.** hạn chế du canh. **D.** quản lí chặt chẽ.

**Câu 61:** Ngập lụt ở nước ta thường gây hậu quả nghiêm trọng cho

**A.** đất vùng đồi núi. **B.** trồng cây lâu năm. **C.** vụ lúa hè thu. **D.** nuôi trồng hải sản.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn trồng cây công nghiệp hàng năm trong số các tỉnh sau đây?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Lâm Đồng. **C.** Thanh Hóa. **D.** Nghệ An.

**Câu 63:** Cây ăn quả ở nước ta hiện nay

**A.** chỉ phát triển ở vùng đồng bằng. **B.** được trồng theo hướng tập trung.

**C.** chủ yếu là các loài cây cận nhiệt. **D.** hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.

**Câu 64:** Ngành nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** sản lượng không ổn định, chủ yếu là cá biển. **B.** tỉ trọng giá trị tăng, đối tượng nuôi đa dạng.

**C.** phát triển ở mọi nơi, nhu cầu ngày càng lớn. **D.** chỉ có ở đồng bằng, gắn với rừng ngập mặn.

**Câu 65:** Mục tiêu quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay là

**A.** đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. **B.** nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

**C.** cải thiện chất lượng tăng trưởng kinh tế. **D.** đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.

**Câu 66:** Lao động trong thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta hiện nay

**A.** tập trung nhiều nhất ở vùng núi. **B.** quản lí những lĩnh vực then chốt.

**C.** chiếm phần lớn nguồn lao động. **D.** chủ yếu có trình độ trên đại học.

**Câu 67:** Hệ thống đảo của nước ta

**A.** tập trung nhiều thành phố. **B.** phân chia thành các huyện.

**C.** phát triển mạnh chăn nuôi. **D.** chưa hình thành quần đảo.

**Câu 68:** Vị trí phần đất liền nước ta

**A.** nằm ở phía nam đường xích đạo. **B.** nằm trên đường chí tuyến Bắc.

**C.** nằm phía tây Thái Bình Dương. **D.** tiếp giáp với Bắc Băng Dương.

**Câu 69:** Các đô thị ở nước ta hiện nay

**A.** phân bố đồng đều trên cả nước. **B.** đóng góp lớn trong nền kinh tế.

**C.** chỉ có lao động của công nghiệp. **D.** có hạ tầng kĩ thuật rất phát triển.

**Câu 70:** Mạng lưới đường sông của nước ta

**A.** chỉ phân bố tập trung ở phía Bắc. **B.** có tốc độ chuyên chở rất nhanh.

**C.** chủ yếu vận chuyển hành khách. **D.** phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên.

**Câu 71:** Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là do

**A.** nhu cầu lớn thị trường, vốn đầu tư nhiều, nguyên liệu phong phú.

**B.** lợi nhuận cao, công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ khí hóa và dịch vụ.

**C.** tập trung nhiều ngành, lao động đông đảo, đáp ứng tốt thị trường.

**D.** nhiều mặt hàng, lao động trình độ, chủ động hoàn toàn nguyên liệu.

**Câu 72:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

**B.** tạo nhiều hàng hóa, nâng cao mức sống, khai thác tốt các thế mạnh.

**C.** hạn chế thiên tai, đa dạng hóa sản phẩm, thúc đẩy công nghiệp hóa.

**D.** hình thành mạng lưới đô thị, đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút lao động.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về số lượng trâu và sản lượng thịt trâu nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

0396752282 **

0396752282 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Sự thay đổi cơ cấu số lượng trâu và sản lượng thịt trâu.

**B.** Cơ cấu số lượng trâu và sản lượng thịt trâu.

**C.** Quy mô số lượng trâu và sản lượng thịt trâu.

**D.** Tốc độ tăng trưởng số lượng trâu và sản lượng thịt trâu.

**Câu 74:** Biện pháp chủ yếu để mở rộng diện tích cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

**A.** cải tạo đất đai, sử dụng các giống tốt. **B.** đẩy mạnh chế biến, phát triển thủy lợi.

**C.** thu hút lao động, mở rộng thị trường. **D.** chú trọng thâm canh, nâng cao độ phì.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp quốc lộ 1 ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo thế mở cửa, hình thành chuỗi đô thị mới. **B.** liên kết các tỉnh, tăng vai trò trung chuyển.

**C.** phân bố lại dân cư, tăng cường giao thương. **D.** phát triển vùng biên, đẩy mạnh nhập khẩu.

**Câu 76:** Các khó khăn chủ yếu tác động đến sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** rừng ngập mặn giảm, nhiều thiên tai. **B.** xói mòn đất tăng, sụt lún vùng ngọt.

**C.** thị trường giảm, thiếu cơ sở chế biến. **D.** xâm nhập mặn, biến động thị trường.

**Câu 77:** Hướng chủ yếu để phát triển ngành du lịch ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** cơ giới hóa, tăng cường du lịch sinh thái. **B.** chuyên môn hóa, đẩy mạnh du lịch biển.

**C.** đa dạng hóa, gắn tự nhiên với nhân văn. **D.** tăng trung tâm, chú trọng khách quốc tế.

**Câu 78:** Giải pháp chủ yếu để khai thác thế mạnh về thủy sản ở vùng ven biển Bắc Trung Bộ là

**A.** hiện đại hóa phương tiện, đánh bắt xa bờ, nâng cao giá trị và hiệu quả.

**B.** phát triển nuôi trồng, đẩy mạnh chế biến, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

**C.** tăng cường đánh bắt ở ven bờ, mở rộng xuất khẩu, phát triển chế biến.

**D.** áp dụng công nghệ mới, đảm bảo cảng cá, tạo chuỗi liên kết sản xuất.

**Câu 79:** Gió mùa Đông Bắc đến miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta đã bị giảm sút chủ yếu do

 **A.** bức chắn của dãy núi Hoành Sơn và sự biến tính của gió khi di chuyển về phía nam.

 **B.** bức chắn của dãy Hoàng Liên Sơn và sự suy yếu của gió khi di chuyển về phía nam.

 **C.** nằm ở hữu ngạn thung lũng sông Hồng, một số nơi độ che phủ của rừng còn khá lớn.

 **D.** địa hình cao nhất cả nước, có một số dãy núi cao hướng tây bắc - đông nam chắn gió.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

 *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Nhóm tuổi** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| 15 - 24 tuổi | 8031,5 | 7596,1 | 7159,5 | 6061,51 | 5094,3 |
| 25 - 49 tuổi | 32167,4 | 32573,8 | 34308,3 | 34622,23 | 31902,8 |
| Trên 50 tuổi | 14067,1 | 14649,7 | 14299,6 | 14159,2 | 13563,4 |
| **Tổng số** | 54266 | 54819,6 | 55767,4 | 54842,94 | 50560,5 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu lực lượng lao động phân theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường.

**------ HẾT ------**

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

*- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*